

Bản án số: **23/2021/HS – ST**

Ngày: 21 – 7 – 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Mùi.

Ông Hà Công Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2021/TLST - HS ngày 02 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 19/2021/QĐXXST - HS ngày 07 tháng 7 năm 2021 đối với:

- Bị cáo: Ngân Văn T, sinh ngày 13 tháng 11 năm 1995; tại: xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Bản V, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngân Văn S và bà Lò Thị P tiền án: Không; tiền sự: Ngày 02 – 01 – 2021 Chủ tịch UBND xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái đã ban hành Quyết định số: 85/QĐ - UBND về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với Ngân Văn T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26 – 4 - 2021 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. (có mặt)

- Bị cáo: Nông Văn P, sinh ngày 14 tháng 01 năm 1994; tại: xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Giáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C (đã chết) và bà Lê Thị S; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 18 – 12 – 2020 Chủ tịch UBND xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái đã ban hành Quyết định số: 61/QĐ - UBND về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với Nông Văn P về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. nhân thân: Bản án số: 63/2017/HSST ngày 28 – 12 – 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái xử phạt Nông Văn P 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26 – 4 - 2021 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. (có mặt)

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ngân Văn T và Nông Văn P.

Là bà Nguyễn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý công tác tại chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 01 thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Yên Bái. (có mặt).

- *Bị hại:* Chị Ngân Thị N, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi liên quan:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 01, thị trấn L, huyện V, tỉnh Yên Bái. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Chị Lò Thị D, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 23 – 4 - 2021, Ngân Văn T đi bộ từ nhà ở của mình tại thôn Bản V, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái đến chơi nhà bác ruột của T là bà Ngân Thị M, trú tại: Thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. Khi T đến nhà bà Ngân Thị M thì thấy không có ai ở nhà, T quan sát thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu đen - bạc, BKS 21K1- 457.46 của chị Ngân Thị N (chị N là con gái bà M và ở cùng nhà với bà M) đang dựng ở gầm nhà sàn của nhà bà M, chìa khóa xe vẫn đang cắm ở ổ khóa điện. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này của chị N. T ngồi lên xe và thả trôi xe xuống dốc được khoảng 05 – 06 mét rồi nổ máy, điều khiển xe mô tô theo hướng ra đường Quốc lộ 32. Sau đó T điều khiển xe mô tô đi đến lán nương của Nông Văn P, tại: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Khi đến lán của P, T nói cho P biết mình vừa trộm cắp được chiếc xe mô tô trên. P rủ T đem cầm cố chiếc xe để lấy tiền mua ma túy về sử dụng, T đồng ý. Sau đó T và P mở cốp xe ra kiểm tra thì thấy có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Ngân Thị N và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với chủ xe cơ giới. T và P thống nhất mang xe xuống khu vực thị trấn L, huyện V, tỉnh Yên Bái để cầm cố. Sau đó T điều khiển xe mô tô chở P, khi đến khu vực thị trấn L do không biết địa chỉ nên T để cho P điều khiển xe mô tô. P điều khiển xe mô tô chở T đến nhà chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, trú tại: tổ 01, thị trấn Nông trường L, huyện V. Khi vào nhà chị H, P nói với chị H là muốn cầm cố chiếc xe mô tô, chị H thấy T và P có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trùng khớp với biển kiểm soát của xe nên đồng ý, sau đó T và chị H trao đổi thống nhất số tiền cầm cố chiếc xe là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*). T cầm tiền rồi cùng P thuê xe ô tô chở cả hai về lán của P hết 150.000 đồng, trên đường về T mua đồ ăn hết 170.000 đồng, số tiền còn lại T và P chia nhau mỗi người 2.340.000 đồng (*hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*), sau đó cả hai đã mua ma túy về sử dụng và tiêu xài hết số tiền này.

Sau khi phát hiện chiếc xe mô tô của mình bị mất thì đến ngày 25/4/2021 chị Ngân Thị N đã làm đơn trình báo Công an xã G, huyện V. Sau khi tiếp nhận đơn trình báo của chị N, Công an xã G đã tổ chức xác minh và triệu tập Ngân Văn T và Nông Văn P. Căn cứ vào lời khai của T và P, Công an xã G đã tiến hành làm việc với chị Hg, chị H đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe nêu trên. Công an xã G, huyện V xác định vụ việc không thuộc thẩm

quyền giải quyết nên đã chuyển hồ sơ và vật chứng đến Công an huyện V để điều tra, xử lý theo quy định pháp luật. Qua trình điều tra, Ngân Văn T và Nông Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL - ĐG ngày 06 – 5 - 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, tỉnh Yên Bái, kết luận: Xe moto Honda, loại xe Wave BKS 21K1 - 457.46 (đã qua sử dụng từ T1/2020, thời điểm bị mất trộm 23 – 4 - 2021), có trị giá qua khảo sát là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*)” (BL 33).

* Vật chứng và tài sản thu giữ trong vụ án:

01 xe mô tô BKS 21K1-457.46 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 21K1- 457.46 mang tên Ngân Thị N, Cơ quan điều tra Công an huyện V xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Ngân Thị N nên đã trả lại cho chị Ngân Thị N quản lý, sử dụng.

* Về trách nhiệm dân sự:

Chị Ngân Thị N đã nhận lại chiếc xe mô tô và đăng ký xe mô tô nên không có yêu cầu, đề nghị gì thêm. Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 5.000.000 đồng mà chị đã bỏ ra để nhận cầm cố xe mô tô của các bị cáo.

* Quá trình điều tra các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

- Bản Cáo trạng số: 24/CT – VKS - VC ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái, truy tố: Bị cáo Ngân Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nông Văn P về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 điều 323 của Bộ luật Hình sự

* Các bị cáo, người bào chữa và bị hại không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về đối với bản Cáo trạng và quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái.

* *Tại phiên tòa:*

- Các bị cáo Ngân Văn T và Nông Văn P khai nhận rõ ràng, đầy đủ về hành vi phạm tội của mình và vật chứng thu giữ nêu trên.

- Kiểm sát viên trình bày luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Ngân Văn T và bị cáo Nông Văn P được nêu trong Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngân Văn T, phạm tội: "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Nông Văn P phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ngân Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn P từ 10 tháng đến 15 tháng tù

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Ngân Văn T và Nông Văn P.

3. Về trách nhiệm dân sự: Chị Ngân Thị N đã nhận lại chiếc xe mô tô và đăng ký xe mô tô nên không có yêu cầu, đề nghị gì thêm. Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 5.000.000 đồng mà chị đã bỏ ra để nhận cầm cố xe

mô tô của các bị cáo. Chị N và chị H đều có ý kiến là không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

4. Về án phí: Bị cáo Ngân Văn T và bị cáo Nông Văn P đều là những người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào: Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự cho bị cáo Ngân Văn T và bị cáo Nông Văn P.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Các bị cáo Ngân Văn T, Nông Văn P không có ý kiến tranh luận gì đối với đề nghị của Kiểm sát viên đã nêu trên.

- Người bào chữa cho bị cáo Ngân Văn T và bị cáo Nông Văn P: Nhất trí với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Ngân Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo Nông Văn P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Nhất trí đề nghị của Kiểm sát viên về điều khoản áp dụng hình phạt chính, hình phạt bổ sung, án phí đối với các bị cáo trong vụ án. Về phần hình phạt xét thấy: Bị cáo Ngân Văn T có các tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”; “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nông Văn P có các tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” và “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Ngân Văn T từ 9 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Nông Văn P từ 7 tháng đến 10 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T và bị cáo P. Về án phí: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên về việc miễn án phí cho bị cáo T và bị cáo P.

- Các bị cáo Ngân Văn T, Nông Văn P nhất trí với ý kiến đề nghị của người bào chữa và không bổ sung thêm ý kiến gì khác.

- Đối đáp của Kiểm sát viên: Không nhất trí với người bào chữa và giữ nguyên quan điểm đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Nông Văn P.

- Các bị cáo Ngân Văn T, Nông Văn P nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện V, tỉnh Yên Bái; Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra thì các bị cáo, người bào chữa, bị hại và người có quyền lợi liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại

phiên tòa các bị cáo, người bào chữa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Ngân Văn T và bị cáo Nông Văn P tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và vật chứng thu giữ được trong vụ án; Phù hợp với kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Phù hợp với hành vi của các bị cáo được nêu trong Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 23 - 4 - 2021, Ngân Văn T đã đến nhà bà Ngân Thị M, trú tại: Thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. T thấy chiếc xe mô tô đã qua sử dụng nhãn hiệu HONDA Wave màu đen - bạc, biển kiểm soát 21K1- 457.46 có trị giá là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) của chị Ngân Thị N là con gái bà Ngân Thị M đang dựng ở gầm nhà sàn của nhà bà Ngân Thị M. Lợi dụng khi nhà bà Ngân Thị M không có ai ở nhà, T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị Ngân Thị N. Sau đó T mang chiếc xe mô tô của chị Ngân Thị N đến lán nương của Nông Văn P ở thôn N, xã N, huyện V rồi nói cho P biết chiếc xe mô tô mà T đi đến là vừa trộm cắp được. P rủ T mang xe mô tô biển kiểm soát 21K1- 457.46 đi cầm cố thì T đồng ý. Sau đó T và P mang xe mô tô biển kiểm soát 21K1- 457.46 cầm cố cho chị Nguyễn Thị H, trú tại: Tổ 01, thị trấn L, huyện V, tỉnh Yên Bái là 5.000.000 đồng, số tiền này T và P đã chi tiêu cá nhân và chia nhau để sử dụng vào việc mua ma túy hết.

Các bị cáo Ngân Văn T, Nông Văn P đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Ngân Văn T nhận thức được pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm sở hữu tài sản của công dân. Nhưng để có tiền chi tiêu cho cá nhân nên T đã có hành vi lén lút và cố ý thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của chị Ngân Thị N. Hành vi mà T đã thực hiện được nêu trên cùng với giá trị tài sản mà T đã chiếm đoạt theo kết luận định giá tài sản nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Nông Văn P khi gặp Ngân Văn T tại lán nương của P ở tại: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái thì P đã được T nói cho biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu đen - bạc, biển kiểm soát 21K1- 457.46 mà T đi đến là do trộm cắp được. Sau đó P rủ T đem cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu đen - bạc, biển kiểm soát 21K1- 457.46 để lấy tiền mua ma túy về sử dụng thì T đồng ý. Như vậy, mặc dù P không hứa hẹn trước với T về việc tiêu thụ chiếc xe mô tô nêu trên. Nhưng P đã biết rõ chiếc xe mô tô nêu trên là tài sản do T phạm tội mà có và đã cố ý cùng T mang đi tiêu thụ với hình thức cầm cố. Vì vậy, hành vi của bị cáo P trong vụ án này cùng với giá trị tài sản mang đi tiêu thụ, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hội đồng xét xử: Chấp nhận nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V và đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa, kết tội bị cáo Ngân Văn T về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Kết tội bị cáo Nông Văn P về

tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng người, đúng tội.

[4] *Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:*

Hành vi trộm cắp tài sản của Ngân Văn T là nguy hiểm cho xã hội và đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, đó là quyền được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Hành vi của Nông Văn P tiêu thụ tài sản do T phạm tội mà có, đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng. Việc trộm cắp tài sản của bị cáo T và việc P, T cùng nhau đi tiêu thụ tài sản đã góp phần làm mất ổn định trật tự an toàn xã hội, làm gia tăng tình hình tội phạm tại địa phương. Do đó cần phải xử lý bị cáo T và bị cáo P với mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo đã thực hiện, tuy nhiên trong vụ án này các bị cáo phạm tội nhưng tính chất và mức độ gây nguy hiểm cho xã hội không lớn.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Ngân Văn T và bị cáo Nông Văn P đã thành khẩn khai báo; tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt và tiêu thụ gây thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần áp dụng đối với bị cáo T và bị cáo P khi xem xét quyết định hình phạt. Ngoài ra bị cáo T là người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với bị cáo T

[6] Trước khi phạm tội thì bị cáo T và bị cáo P đều là những người không có tiền án. Bị cáo T và bị cáo P đều đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo các Quyết định như đã nêu trên. Nhưng tính đến thời điểm các bị cáo phạm tội thì Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã đối với bị cáo T và bị cáo P đều chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Ngoài ra bị cáo P đã 01 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” đã được xóa án tích như đã nêu trên. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T, P đều khai nhận là người nghiện ma túy. Như vậy đã cho thấy các bị cáo là những người nhân thân không tốt.

[7] Từ những nhận định trên đây xét thấy cần cách ly các bị cáo T và P ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, góp phần răn đe, giáo dục người khác ý thức tuân thủ pháp luật và nhằm mục đích đấu tranh, ngăn ngừa tội phạm.

[8] *Về hình phạt bổ sung:*

Quá trình điều tra xác minh của Công an huyện V và tại phiên tòa đã cho thấy: Các bị cáo T và P đều là những người nghiện ma túy và không có tài sản riêng, tài sản chung. Các bị cáo T và P đều là lao động tự do và không có nghề nghiệp, sống phụ thuộc gia đình. Do đó việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với T và P là không khả thi. Vì vậy, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với T và P.

[9] *Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:*

Công an huyện V đã thu giữ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu đen - bạc, biển kiểm soát 21K1- 457.46 xe đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 21K1- 457.46 mang tên Ngân Thị N. Kết quả điều

tra đã xác định chị Ngân Thị N là chủ sở hữu chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe mô tô nêu trên nên Công an huyện V đã trả cho chị Quản lý và sử dụng là phù hợp với quy định pháp luật

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Ngân Thị N đã nhận lại chiếc xe mô tô và đăng ký xe mô tô nên không có yêu cầu, đề nghị gì thêm đối với bị cáo T và bị cáo P. Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu bị cáo T và bị cáo P phải trả lại số tiền 5.000.000 đồng mà chị đã bỏ ra để nhận cầm cố xe mô tô của các bị cáo. Do chị N và chị H không yêu cầu gì về phần dân sự đối với các bị cáo nên HĐXX không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo Ngân Văn T và bị cáo Nông Văn P đều là những người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào: Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Ngân Văn T và bị cáo Nông Văn P được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[13] Các ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo và người bào chữa tại phiên tòa có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử đều được xem xét, chấp nhận.

[14] Trong vụ án này: Chị Nguyễn Thị H là người cho Ngân Văn T và Nông Văn P cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21K1- 457.46 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 21K1- 457.46 mang tên Ngân Thị N. Nhưng chị Nguyễn Thị H không biết đây là tài sản do T và P phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V không đề cập xử lý đối với chị Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định pháp luật.

Ngoài ra Ngân Văn T và Nông Văn P khai nhận đã mua ma túy của một người đàn ông tại khu vực dốc “ba tầng” nhưng T và P không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người này nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngân Văn T, phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nông Văn P, phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Ngân Văn T **01(một)** năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26 – 4 - 2021

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Nông Văn P **10 (mười)** tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26 – 4 - 2021.

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Các bị cáo Ngân Văn T, Nông Văn P được miễn án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo Ngân Văn T, Nông Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Ngân Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái
- Công an huyện V;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THA hình sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Đức Thúy